TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 46/2017/HSST
Ngày: 20-7-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Luật và bà Lê Thị Lan Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2017/HSST ngày 02/6/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/HSST-QĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1985 tại xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Nguyễn Thị H và 01 con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 19/2006/HSPT ngày 22/02/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/02/2007.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/3/2017 chuyển tạm giam từ ngày 29/3/2017 đến nay, tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Trần Trung D, sinh năm 1985 tại phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Số 6/2 đường H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Trung D và bà Vũ Thị T; gia đình có 04 chị em, bị cáo là thứ hai; có vợ là Phạm Thị T;

Tiền án: Bản án số 98/2015/HSST ngày 23/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/5/2016.

Tiền sự: Chưa

Nhân thân: Bản án số 178/2009/HSST ngày 08/9/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 10/4/2010.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương trong vụ án khác; có mặt.

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1991;

Trú tại: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1988;

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988;

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

4. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1991;

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Lương Việt A, sinh năm 1994;

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1994;

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3. Cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2002;

Người đại diện hợp pháp của cháu L: Bà Phạm Thị M - Là bà nội

Đều trú tại: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1954;

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

5. Anh Phạm Văn B, sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

6. Anh Đào Văn N, sinh ngày 25/02/1999;

Trú tại: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

7. Anh Trần Khắc D, sinh năm 1995;

Trú tại: Phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

8. Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1980;

Trú tại: Đội 2, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

9. Anh Đoàn Văn B, sinh năm 1987;

Trú tại: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

10. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991;

Trú tại: Khu 5, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T cùng ở trọ với Trần Trung D tại thành phố H, tỉnh Hải Dương. Do không có tiền tiêu xài nên Trần Trung D và Nguyễn Xuân T rủ nhau về quê Nguyễn Xuân T tìm xe mô tô để trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu chung. Trong đó, Nguyễn Xuân T trực tiếp thực hiện 04 vụ; Trần Trung D là người bàn bạc, hứa hẹn từ trước và cùng Nguyễn Xuân T đi tiêu thụ tài sản trong 02 vụ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Đêm ngày 12 rạng sáng ngày 13/3/2017, Nguyễn Xuân T đi xe taxi từ thành phố H, tỉnh Hải Dương mang theo 01 bộ vam phá khóa điện xe máy về thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương mục đích tìm nhà nào có xe mô tô sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 02 giờ ngày 13/3/2017, khi đến nhà chị Nguyễn Thị Thu N thấy cổng ngoài khóa bằng loại khóa Việt Tiệp, trong sân dựng 01 xe mô tô hiệu Sirius màu nâu, biển số 34B1-244.15, số khung 5C64502839, số máy 40By502836. Bị cáo T trèo qua bờ tường vào sân, dùng bộ vam phá khóa điện xe mô tô sau đó dùng tay công cậy làm bung ổ khóa cổng rồi điều khiển xe đem theo chiếc khóa cổng về thành phố H, tỉnh Hải Dương. Trên đường đi bị cáo T vứt chiếc khóa cổng Việt Tiệp và tháo biển số xe vứt đi. Trưa cùng ngày, bị cáo T gặp Trần Trung D ở khu vực ga tàu thành phố H, tỉnh Hải Dương. Do có sự bàn bạc từ trước nên bị cáo D biết chiếc xe trên do bị cáo T trộm cắp được, bị cáo D cùng bị cáo T điều khiển xe đến quán điện tử của anh Trần Khắc D, sinh năm 1995 ở đường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương nói với anh Trần Khắc D là xe của bị cáo T do cần tiền nên hỏi vay anh Trần Khắc D 3.000.000đồng và để lại chiếc xe làm tin. Anh Trần Khắc D đồng ý. Số tiền trên, bị cáo T và D đã tiêu xài hết. Khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo T và D đến khu Trung tâm thương mại thành phố H, tỉnh Hải Dương gặp một người tên là A. Bị cáo T có nói với anh A là mình có 01 xe mô tô, do thiếu tiền nên đã để lại quán của anh Trần Khắc D. Nếu anh A muốn mua bị cáo T sẽ bán lại với giá 3.500.000đồng, anh A đồng ý và đưa cho bị cáo T số tiền 3.500.000 đồng rồi cùng bị cáo T, D đến quán của anh Trần Khắc D lấy chiếc xe trên. Sau đó, anh A đã bán cho đối tượng (không xác định được tên, tuổi địa chỉ) và người này đã đưa chiếc xe trên cho Đào Văn N, sinh năm 1999 ở khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương sử dụng. Sau đó, anh Đào Văn N tiếp tục giao lại chiếc xe trên cho anh Đỗ Văn T ở thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương sử dụng. Ngày 20/3/2017, anh Đỗ Văn Ttự nguyện giao nộp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách 01 xe mô tô hiệu Sirius màu trắng - đen không đeo biển số. Qua kiểm tra xác định chiếc xe là tang vật của vụ án nên đã tiến hành quản lý theo quy định. Đối với chiếc khóa Việt Tiệp bằng kim loại và biển số xe bị cáo T đã vứt đi không thu giữ được. Tại kết luận định giá tài sản số 15/KLĐGTS ngày 21/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện N, tỉnh Hải Dương kết luận 01 xe mô tô hiệu Yamaha, Sirius, biển số 34B1-244.15 trị giá 7.200.000đồng.

Vụ thứ hai: Tối ngày 13/3/2017, bị cáo D và T bắt xe taxi về thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương để tìm xe sơ hở thì trộm cắp. Do chưa thấy có nhà ai để xe máy sơ hở, nên bị cáo T bảo bị cáo D đi về thành phố H, tỉnh Hải Dương đợi, khi nào bị cáo T lấy được xe thì sẽ cùng nhau mang đi tiêu thụ, bị cáo D đồng ý. Khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo D đi đến nhà anh Nguyễn Văn H, thấy mọi người trong nhà đã đi ngủ. Bị cáo T trèo qua tường đi vào trong nhà anh Nguyễn Văn H lấy 01 chùm chìa khóa để trên bàn uống nước, lấy 01 ví da trên đầu giường của anh Nguyễn Văn H rồi đi ra ngoài. Bị cáo T dùng chùm chìa khóa lấy được mở khóa cổng, sau đó mở khóa điện xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ, biển số 34B1-223.01 của anh Nguyễn Văn H đang dựng trong sân, còn chiếc ví da bị cáo T vứt lại phía sau vườn nhà anh Nguyễn Văn H. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe trên, bị cáo T điều khiển xe về thành phố H, tỉnh Hải Dương tìm gặp bị cáo D nhưng không được nên điều khiển xe đến quán của anh Trần Khắc D để chơi điện tử. Tại đây, do hết tiền để chơi điện tử nên bị cáo T đã bán chiếc xe trên cho một người tự giới thiệu tên là T1 ở huyện T, tỉnh Hải Dương được số tiền 3.000.000 đồng. Bị cáo T đã tiêu xài cá nhân hết số tiền bán xe. Tại kết luận định giá tài sản số 14/KLĐGTS, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện N kết luận 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 34B1-223.01 trị giá 8.800.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 02 giờ ngày 14/3/2017, bị cáo T đến nhà anh Phạm Văn N ở thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương thấy gia đình anh Phạm Văn N đã đi ngủ, cổng không khóa, bên trong gian bếp dựng 01 xe mô tô hiệu Jupiter màu đen, biển số 34P5-5976, bị cáo T mở cổng đi vào gian bếp, lấy chùm chìa khóa để ở trong bếp mở ổ khóa điện xe, sau đó điều khiển xe về phòng trọ của bị cáo D ở thành phố H, tỉnh Hải Dương. Bị cáo D biết chiếc xe Jupiter trên do bị cáo T lấy trộm được ở quê của bị cáo T nên cả hai tháo biển số xe để không bị phát hiện. Sau đó, bị cáo D và T cùng đến quán điện tử của anh Trần Khắc D để chơi điện tử. Do hết tiền nên bị cáo T hỏi vay anh Trần Khắc D số tiền 2.000.000 đồng và để lại chiếc xe làm tin. Anh Trần Khắc D đồng ý. Số tiền trên, bị cáo T cho bị cáo D 500.000 đồng, còn lại dùng để trả tiền chơi điện tử tại quán của anh Trần Khắc D. Chiều cùng ngày, bị cáo T và D đến gặp anh A như lần trước và đặt vấn đề bán chiếc xe trên với giá 2.500.000đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách không thu giữ được chiếc xe máy trên. Tại kết luận định giá tài sản số 16/KLĐGTS ngày 25/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự -

UBND huyện N kết luận 01 xe mô tô hiệu Yamha Jupiter, biển số 34P5-5976 trị giá 5.400.000đồng.

Vụ thứ bốn: Đêm ngày 23/3/2017, Nguyễn Xuân T bắt xe taxi từ thành phố H, tỉnh Hải Dương và mang theo 01 bộ vam phá khóa (gồm 01 tay công bằng kim loại, 01 thanh kim loại dài 08cm một đầu dẹt, 02 thanh kim loại dài 08 cm một đầu dạng nhọn, 01 tô vít 04 cạnh) về thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương mục đích xem nhà ai có xe mô tô để sơ hở sẽ trộm cắp. Bị cáo T xuống xe ở đầu thôn và đi bộ quanh khu vực thôn. Khoảng 00 giờ ngày 24/3/2017, bị cáo T đến nhà anh Nguyễn Xuân C thấy cổng ngoài không khóa, trong sân dựng 02 chiếc xe mô tô (01 chiếc mô tô hiệu Wave màu đỏ của anh Nguyễn Lương Việt A ở thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương và 01 xe mô tô hiệu Exciter màu, biển số của anh 34B1-467.03 của anh Nguyễn Đình T ở thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương - là bạn của anh C) chỉ khóa ổ khóa điện, không khóa cổ, khóa càng. Bị cáo T mở cổng vào trong sân dắt chiếc xe mô tô hiệu Exiter biển số 34B1-467.03 của anh Nguyễn Đình T ra cổng. Ngay sau đó, anh Nguyễn Đình T phát hiện nên đã hô hoán đuổi theo. Khi bị cáo T vừa ra đến cổng thì bị lực lượng Công an huyện Nam Sách cùng Công an xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tại kết luận định giá tài sản số 17/KLĐGTS ngày 25/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện N kết luận 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu trắng, biển số 34B-467.03 trị giá 24.500.000 đồng.

Về vật chứng: 01 bộ vam phá khóa (gồm 01 tay công bằng kim loại, 01 thanh kim loại dài 08 cm một đầu dẹt, 02 thanh kim loại dài 08 cm một đầu dạng nhọn dạng tô vít 04 cạnh) đang lưu giữ tại kho vật chứng.

Trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách đã trả lại chị Nguyễn Thị Thu N 01 xe Sirius, màu nâu; trả lại anh Nguyễn Văn H 01 ví da màu nâu, loại ví gấp; trả lại anh Nguyễn Đình T 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 34B1-467.03. Anh Đình T và chị Nguyễn Thị Thu N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Bản Cáo trạng số 48/VKS-HS ngày 31/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố Nguyễn Xuân T và Trần Trung D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Ngày 30/6/2017, gia đình bị cáo Nguyễn Xuân T đã bồi thường 8.800.000 đồng cho anh Nguyễn Văn H là trị giá xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 34B1-

223.01; bồi thường cho 5.400.000 đồng cho anh Phạm Văn N là trị giá 01 xe Yamaha Jupier, biển số 34P5-5976. Anh Nguyễn Văn H và anh Phạm Văn N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T và Trần Trung D phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 *(đầu thú và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt)* Điều 46, điểm g *(phạm tội nhiều lần)* khoản 1 Điều 48, các Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân T; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 24/3/2017; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g *(tái phạm, phạm tội nhiều lần)* khoản 1 Điều 48, các Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Trung D; xử phạt bị cáo Trần Trung D từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án; về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ vam phá khóa bao gồm 01 tay công bằng kim loại, 01 thanh kim loại dài 08 cm một đầu dẹt, 02 thanh kim loại dài 08 cm một đầu dạng nhọn dạng tô vít 04 cạnh; về dân sự: Không phải giải quyết; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách là đúng và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo T xác định có tác động để gia đình bồi thường cho những người bị hại. Bị cáo T không yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả số tiền đã bồi thường cho người bị hại là anh Phạm Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có sự hứa hẹn, bàn bạc từ trước với Trần Trung D, trong hai ngày 13/3/2017 và 14/3/2017, tại thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Xuân T lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu N 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu nâu biển số biển số 34B1-244.15, trị giá 7.200.000 đồng và chiếm đoạt của anh Phạm Văn N 01 xe Yamaha Jupiter, biển số 34P5-5976, trị giá 5.400.000 đồng. Sau đó, bị cáo T cùng bị cáo D mang hai xe đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Ngoài ra, đêm ngày 13/3/2017 rạng sáng ngày 14/3/2017 tại thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương, một mình Nguyễn Xuân T lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 34B1-223.01, 01 ví da, tổng trị giá tài sản là 8.800.000 đồng. Sau đó, bị cáo T bán xe lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tiếp đến, đêm ngày 23 rạng sáng ngày 24/3/2017, cũng tại thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Xuân T lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Đình T 01 xe mô tô hiệu Exciter, biển số 34B1-267.03 trị giá 24.500.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Xuân T chiếm đoạt trong 04 vụ là 45.900.000 đồng; trong đó, Nguyễn Xuân T và Trần Trung D cùng nhau chiếm đoạt trong 02 vụ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.600.000 đồng.

Hành vi của Nguyễn Xuân T và Trần Trung D lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Xuân T chiếm đoạt là 45.900.000 đồng; trong đó giá trị tài sản, Nguyễn Xuân T và Trần Trung D cùng nhau chiếm đoạt trong 02 vụ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.600.000đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Quyết định truy tố của

Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án, bị cáo T là người đề xuất, trực tiếp thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tài chiếm đoạt là 45.900.000đồng; bị cáo Trần Trung D đồng phạm với vai trò giúp sức bị cáo T trong 02 vụ trộm cắp tài sản với giá trị là 12.600.000đồng. Vì vậy, bị cáo T giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo D giữ vai trò đồng phạm sau vai trò của bị cáo T.

Xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T đã tác động với gia đình để bồi thường đã bồi thường 8.800.000đồng cho anh Nguyễn Văn H và bồi thường cho 5.400.000đồng cho anh Phạm Văn N. Anh Phạm Văn N và Nguyễn Văn H có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T nên được áp dụng tình tiếp giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, sau khi bị bắt quả tang về hành vi chiếm đoạt xe máy của anh Nguyễn Đình T ngày ngày 24/3/2017, bị cáo T đã khai nhận các hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị Thu N, anh Phạm Văn N và Nguyễn Văn H, vì vậy bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T 04 lần thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo D và T cùng nhau thực hiện 02 lần hành vi phạm tội, mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm vì vậy phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo D có tiền án về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 98/2015/HSST ngày 23/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 tháng tù nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo D đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử theo Bản án số 178/2009/HSST ngày 08/9/2008, xử phạt 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Bị cáo T bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử theo Bản án số 19/2006/HSPT ngày 22/02/2006, xử phạt 15 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Mặc dù các bản án trên không áp dụng là tiền án đối với các bị cáo, nhưng xác

định các bị cáo có nhân thân xấu. Ngoài các hành vi xét xử, bị cáo T và D đang bị truy tố về nhiều hành trộm cắp tài sản tại thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự các bị cáo có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không nghề nghiệp và không có thu nhập, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng, Cơ quan công an thu giữ 01 bộ vam phá khóa (gồm 01 tay công bằng kim loại, 01 thanh kim loại dài 08 cm một đầu dẹt, 02 thanh kim loại dài 08 cm một đầu dạng nhọn dạng tô vít 04 cạnh) là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách đã trả lại chị Nguyễn Thị Thu N 01 xe Sirius, màu nâu; trả lại anh Nguyễn Văn H 01 ví da màu nâu, loại ví gấp; trả lại anh Nguyễn Đình T 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 34B1-467.03; bị cáo T đã bồi thường 8.800.000 đồng cho anh Nguyễn Văn H là trị giá xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 34B1-223.01; bồi thường cho 5.400.000 đồng cho anh Phạm Văn N là trị giá 01 xe Yamaha Jupiter, biển số 34P5-5976; đối với biển số xe máy và khóa cổng bị hỏng, không còn giá trị nên chị Nguyễn Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết; những người bị hại là chị Nguyễn Thị Thu N, anh Nguyễn Văn H, anh Phạm Văn N, anh Nguyễn Đình T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo T xác định tự nguyện bồi thường cho người bị hại và không yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả, vì vậy Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

Đối với đối tượng có tên A quá trình điều tra không xác định được lý lịch nên không có căn cứ xử lý; anh Trần Khắc D là người cho bị cáo T vay tiền, anh Đào Văn N, anh Đỗ Văn T là những người sử dụng chiếc xe máy do bị cáo T và D phạm tội nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đặt ra xử lý.

Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, điểm a khoản 1 Điều

23 Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Xuân T và Trần Trung D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 *(đầu thú và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt)* Điều 46, điểm g *(phạm tội nhiều lần)* khoản 1 Điều 48, các Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 29 (hai mươi chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 24/3/2017 và tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g *(tái phạm, phạm tội nhiều lần)* khoản 1 Điều 48, các Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Trung D.

Xử phạt bị cáo Trần Trung D 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ vam phá khóa bao gồm 01 tay công bằng kim loại, 01 thanh kim loại dài 08 cm một đầu dẹt, 02 thanh kim loại dài 08 cm một đầu dạng nhọn dạng tô vít 04 cạnh (Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Sách với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách ngày 15/6/2017).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Xuân T và bị cáo Trần Trung D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Nam Sách;
- CQCSĐT - Công an huyện Nam Sách;
- Chi cục THA DS huyện Nam Sách;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn